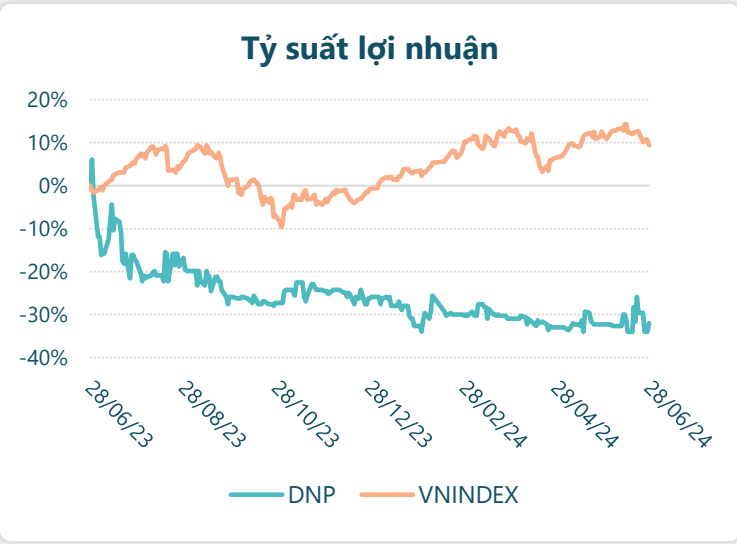


Ngày	20,200 VNĐ		
28/06/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0.5%	-1.5%	-6.0%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	19,600 - 31,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,402
Số lượng CPLH (CP)	118,901,103
KLGD BQ 20 phiên (CP)	655,282
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	0.17
EPS	149
P/E	135.5



Doanh thu thuần
Q2/24

2,258

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 487 | 27.5%

YoY: ▲ 251 | 12.5%

Nợ/VCSH
Q2/24

219%

YoY: +/- ▼ 4.8%

LN gộp
Q2/24

411

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 81.0 | 24.5%

YoY: ▲ 112 | 37.4%

ROE (TTM)
Q2/24

0.3%

YoY: +/- ▼ 0.7%

LN trước thuế
Q2/24

63.7

tỷ VNĐ

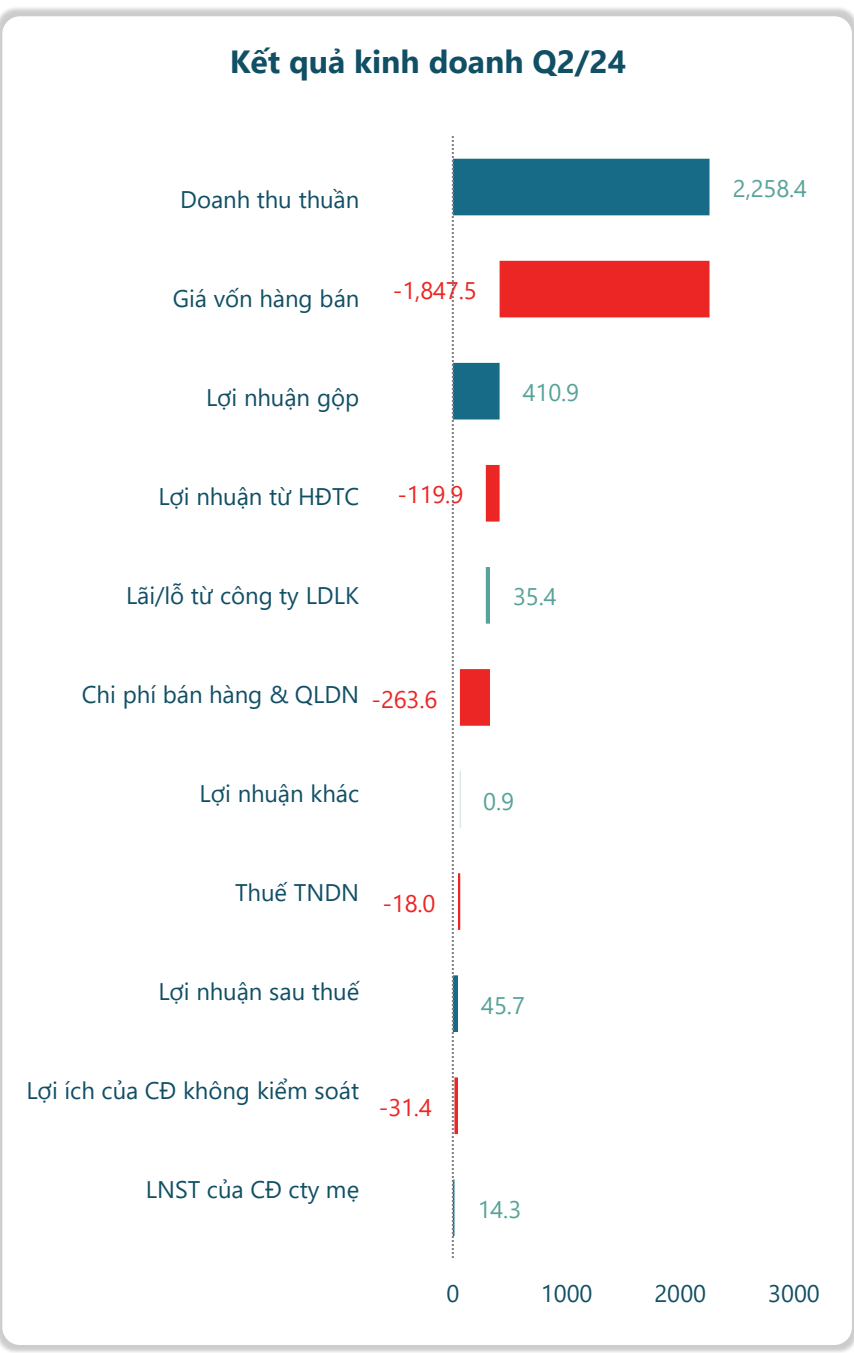
QoQ: ▲ 52.8 | 484%

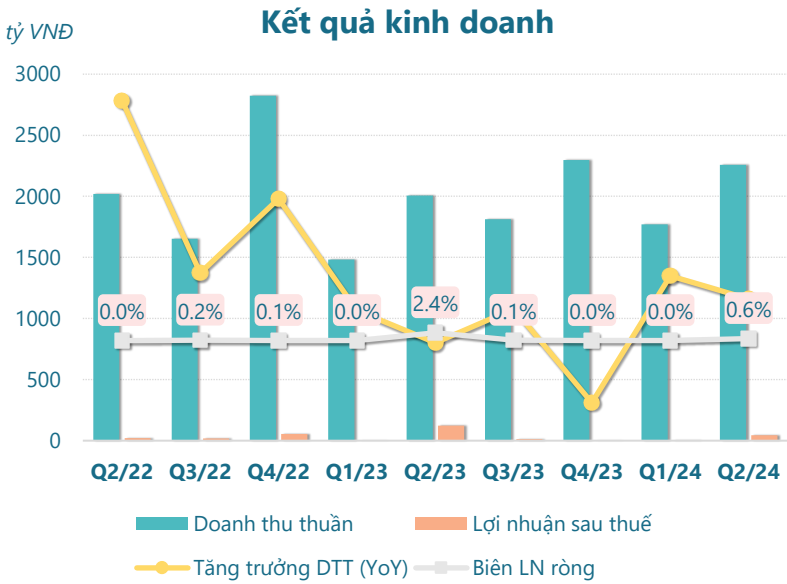
YoY: ▼ 92.3 | -59.2%

ROA (TTM)
Q2/24

0.1%

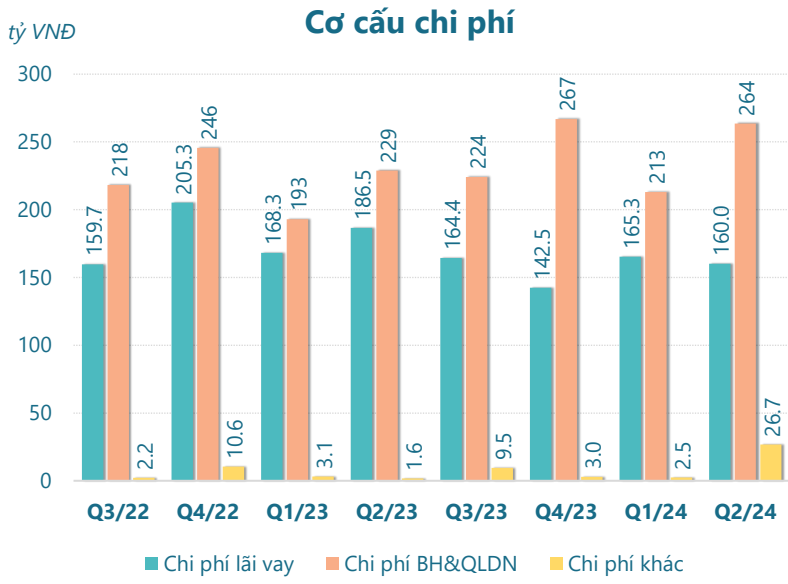
YoY: +/- ▼ 0.2%





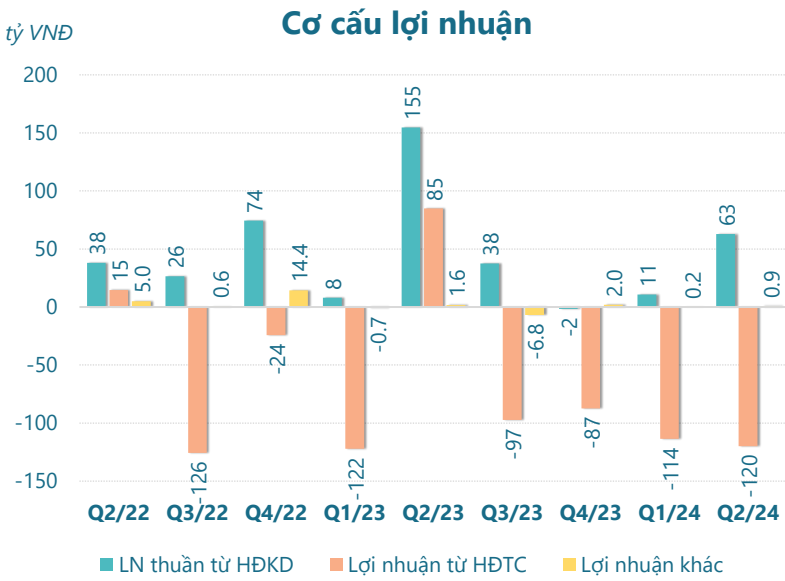
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 62.83 tỷ đồng**, tăng thêm 487% so với kỳ trước và thấp hơn 59.3% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 119.9 tỷ đồng** giảm đi 6.24 tỷ đồng so với kỳ trước và thấp hơn 241% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lãi 0.86 tỷ đồng**, tăng thêm 378% so với kỳ trước và thấp hơn 47.6% so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **DNP** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **2,258 tỷ đồng** tăng thêm **12.5%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 45.72 tỷ đồng**, **giảm sút 63.0%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **4,029 tỷ đồng** cao hơn 15.5% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 52.00 tỷ đồng** thấp hơn 58.4% so với cùng kỳ năm trước.



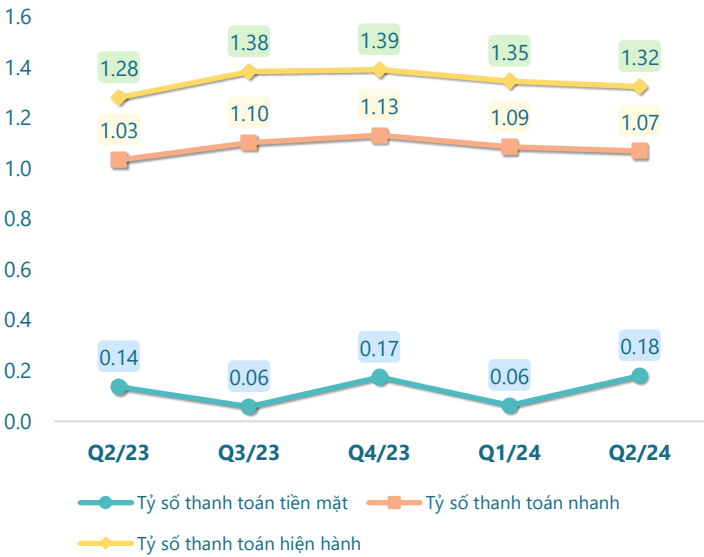
Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **160.1 tỷ đồng** giảm đi 3.19% so với kỳ trước và thấp hơn 14.2% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **263.7 tỷ đồng** tăng thêm 23.7% so với kỳ trước và cao hơn 15.2% so với cùng kỳ năm trước.

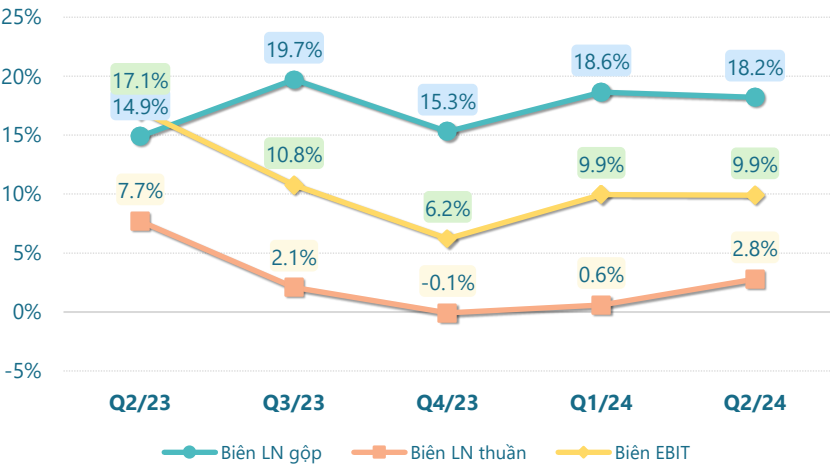
Chi phí khác bằng **26.75 tỷ đồng** tăng thêm 987% so với kỳ trước và cao hơn 1521% so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	2,258	1,771	27.5%	2,007	12.5%	4,029	3,489	15.5%
Giá vốn hàng bán	1,847	1,441	28.2%	1,708	8.2%	3,288	2,870	14.6%
Lợi nhuận gộp	411	330	24.5%	299	37.4%	741	619	19.7%
Doanh thu HĐTC	69.6	69.0	0.9%	355	-80.4%	139	411	-66.3%
Chi phí TC	189	183	3.6%	270	-29.8%	372	448	-17.0%
Chi phí lãi vay	160	165	-3.0%	187	-14.4%	325	355	-8.3%
LN trong công ty LKLD	35.4	7.45	376%	-0.81	4476%	42.9	2.29	1769%
Chi phí bán hàng	130	121	7.2%	118	10.0%	250	216	15.8%
Chi phí QLDN	134	92.6	44.6%	111	20.6%	226	206	10.2%
LN thuần từ HĐKD	62.8	10.7	487%	155	-59.5%	73.5	162	-54.7%
Lợi nhuận khác	0.86	0.18	380%	1.64	-47.3%	1.04	0.93	12.4%
LN trước thuế	63.7	10.9	484%	156	-59.2%	74.6	163	-54.3%
Lợi nhuận sau thuế	45.7	6.08	652%	124	-63.1%	51.8	125	-58.7%
LNST của CĐ cty mẹ	14.3	0.61	2247%	47.8	-70.1%	14.9	48.4	-69.1%

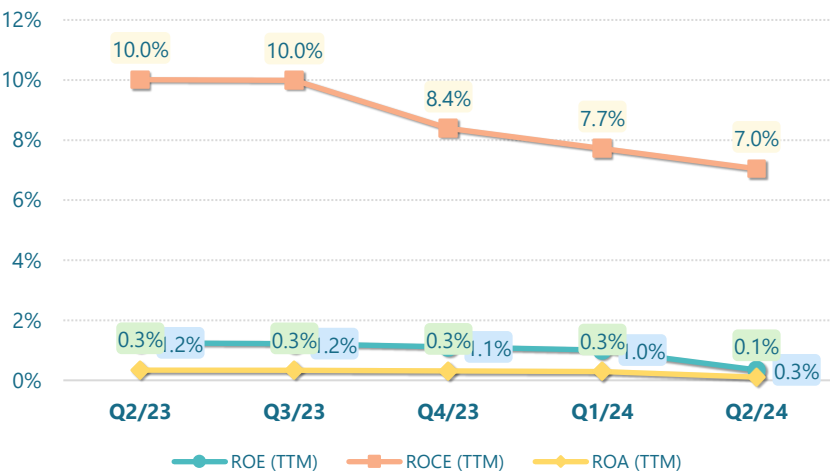
Chỉ số thanh khoản



Biên lợi nhuận



Tỷ suất sinh lợi



Vòng quay tài sản

